TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST
Ngày 25-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Láth

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Duy M**, sinh năm 1985 - Chủ Hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trần Diễm M1**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: 1. Ông Hứa Văn P, sinh năm 1954 (vắng mặt)

2. Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 của nguyên đơn anh* Nguyễn Duy M*, trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/4/2017, anh Nguyễn Duy M2 – Chủ hộ kinh doanh Thành Long có giao (thông qua đại diện là anh Võ Văn Ý – Kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn bằng văn bản với vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D, hợp đồng thời

hạn là 01 năm kể từ thời điểm nêu trên. Theo thỏa thuận, anh M (thông qua anh Võ Văn Ý) sẽ cung cấp thức ăn và và thuốc thủy sản mang nhãn hiệu Việt H cho vợ chồng ông P, bà D. Đơn giá được thông báo trực tiếp cho vợ chồng ông P, bà D trên từng loại hàng theo đơn hàng và được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được ông P đến lấy hoặc người nhà của ông P đến lấy hàng tại cửa hàng của anh M. Khi lấy hàng, ông P có kiểm tra và ký tên vào sổ nhận hàng. Về phương thức thanh toán thì sau khi thu hoạch tôm hoặc cuối vụ tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ. Trường hợp khi thu hoạch tôm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ tiền nợ thì anh M có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông P, bà D thanh toán toàn bộ tiền nợ.

Trong quá trình giao dịch, anh M đã giao hàng đúng thỏa thuận, nhưng vợ chồng ông P, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Anh M (thông qua bởi anh Ý) đã nhiều lần liên hệ đến vợ chồng ông P, bà D để yêu cầu thanh toán nợ, nhưng vợ chồng ông P, bà D cứ hẹn nhiều lần mà không thực hiện trả nợ. Tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng ông P, bà D còn nợ anh M tổng số tiền là 399.601.000 đồng (*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm lẻ một ngàn đồng*).

Nay anh Nguyễn Duy M - Chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D liên đới thanh toán cho anh M số nợ là 399.601.000 đồng.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông P, bà D không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp N, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D, tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông P, bà D vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản

1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong năm 2017, nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Chủ Hộ kinh doanh T có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D, việc hai bên mua bán có lập chưa hợp đồng và có ký tên vào sổ giao nhận hàng. Khi kết toán lại, vợ chồng ông P, bà D còn nợ anh M số tiền 399.601.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành tống đạt Thông báo cho bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P và bà Lê Thị D, vợ chồng ông P và bà D đã nhận được Thông báo của Tòa án và không có ý kiến về việc anh M khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ. Tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản nêu trên nhưng bị đơn vợ chồng ông P, bà D đều vắng mặt. Việc bị đơn ông P, bà D nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác nêu trên (trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) của Tòa án mà không có ý kiến và đều vắng mặt, nên được xem như bị đơn vợ chồng ông P, bà D đã thống nhất với số nợ mà phía nguyên đơn đặt ra. Mặt khác, tại bảng đối chiếu công nợ ngày 23/7/2022, bị đơn ông P đã ký và ghi họ tên xác nhận là ông còn nợ đối với anh M số tiền là 399.601.000 đồng.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 23/73/2022, vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D còn nợ anh Nguyễn Duy M số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 399.601.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, anh M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P, bà D thanh toán nợ nhưng đến nay ông P, bà D vẫn chưa thanh toán cho anh M là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Chủ Hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 399.601.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng ông P, bà D liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho anh M là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông P, bà D phải liên đới trả lãi suất cho anh M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy M - Hộ kinh doanh T1, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 399.601.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D thanh toán số tiền 399.601.000 đồng (*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm lẻ một ngàn đồng*) cho anh Nguyễn Duy M - Hộ kinh doanh T1.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Duy M - Hộ kinh doanh T1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng ông Hứa Văn P, bà Lê Thị D phải liên đới chịu số tiền 19.980.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Duy M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.990.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007811 ngày 07/3/20232 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua